

Số:128/2024/QĐST - HNGĐ

Văn Lâm, ngày 25 tháng 9 năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 119/2024/TLST – HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2024 giữa:

- *Nguyên đơn*: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện Đ, thành phố Hà Nội

- *Bị đơn*: Chị Đỗ Thị Huyền T1, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã C, huyện V, tỉnh Hưng Yên

Căn cứ Điều 147, Điều 212, Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 9 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1/ Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Huyền T1.

2/ Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Anh Nguyễn Văn T và chị Đỗ Thị Huyền T1 xác định anh chị có 01 con chung là cháu Nguyễn Thu G, sinh ngày 10/5/2023. Hiện nay cháu đang ở cùng chị T1. Chấp nhận sự thỏa thuận của anh T, chị T1, giao cháu Nguyễn Thu G, sinh ngày 10/5/2023 cho chị T1 tiếp tục nuôi dưỡng.

Chấp nhận sự thỏa thuận của **T**, chị **T1** về mức cấp dưỡng nuôi con chung: Anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đ/tháng (Một triệu đồng/tháng) bắt đầu từ tháng 10 năm 2024. Ngoài ra, anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung bằng hiện vật tùy theo nhu cầu sử dụng của con chung.

Sau khi ly hôn anh **T** không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

**Về tài sản chung vợ chồng:** Chấp nhận sự thỏa thuận của anh **T**, chị **T1** về phân chia tài sản chung như sau:

- Chia tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng của anh **T** gồm:  
+ Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Accent, màu đỏ, sản xuất năm 2021, biển kiểm soát: 30H-44373 đứng tên **Nguyễn Văn T**.

+ Sổ tiết kiệm với số tiền 70.000.000đ (Bảy mươi triệu đồng), số thẻ BF303874, số tài khoản 191001000025275, mang tên **Nguyễn Văn T** tại **ngân hàng B**.

+ Vàng nhẫn trơn khối lượng 1,5 cây.

- Chia tài sản thuộc quyền sử dụng, sở hữu riêng của chị **T1**: Sổ tiết kiệm với số tiền 150.000.000đ (Một trăm năm mươi triệu đồng), số thẻ BE 705312, số tài khoản 19500100004332, mang tên **Đỗ Thị Huyền T1** tại **ngân hàng B**.

**Về nợ chung:** Chấp nhận sự thỏa thuận của anh **T** và chị **T1** thống nhất anh **T** có trách nhiệm trả khoản nợ chung là số tiền 372.900.000đ (ba trăm bảy mươi hai triệu chín trăm nghìn đồng) tính đến ngày 17/9/2024 vay thế chấp tại **ngân hàng C – Chi nhánh B1**.

**Về công sức chung và ruộng nông nghiệp:** Anh **Nguyễn Văn T** và chị **Đỗ Thị Huyền T1** đều tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

**Về án phí:** Chấp nhận sự tự nguyện của anh **T** xin chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Đối trừ với 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí anh **T** đã nộp theo biên lai số 0003870 ngày 17/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện Văn Lâm;
- UBND xã Vân Hà, huyện Đông Anh;
- Lưu HSVA.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Nam Thắng**